

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2018/HS-PT

Ngày: 05-03-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Triết.

Bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 20/2018/HSPT ngày 08/01/2018 đối với bị cáo Nguyễn Đức T, về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 300/2017/HS-ST ngày 28/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đức T; sinh năm 1995, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký HKTT: Thôn 1, xã C, huyện D, tỉnh Đắk Lắk, nơi cư trú: 135 đường H, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức K, sinh năm 1953 và con bà Đỗ Thị C, sinh năm 1959; hiện cư trú tại: 135 đường H, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

* Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Đức T: Bà Đỗ Thị C (mẹ ruột bị cáo); Sinh năm 1959 (có mặt tại phiên tòa).

Cư trú tại: 135 H, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức T: Ông Phạm Công M; Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk (có mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra trong vụ án này còn có bị cáo Nguyễn Đình L nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức T và Nguyễn Đình L, do không có tiền tiêu xài nên đã thỏa thuận với nhau khi nào T phát hiện có xe mô tô của người dân nào sở hữu trong việc quản lý thì T sẽ gọi điện thoại cho L để đi trộm cắp, bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Khoảng 20 giờ, ngày 24/7/2017 T phát hiện tại trước cổng nhà địa chỉ số: Số N đường Z, phường A, thành phố B, có 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn trắng đỏ, biển số: 47B2 - 045.57, trong cốp xe mô tô có để 01 mũ bảo hiểm loại nón Sơn màu đỏ trắng, của anh Mai Tự P (sinh năm: 1994, trú tại: Tổ dân phố S, phường K, thành phố B), không có người trông coi nên T dùng điện thoại di động hiệu SamSung, màu xám, gọi cho chị Huỳnh Thị Mỹ H (là bạn gái L), sinh năm: 1994, trú tại: Số Đ, phường T, thành phố B, để nói chị H cho gặp L và rủ L trộm cắp tài sản, vì T biết L không dùng điện thoại và thường xuyên đi với chị H. Khi gặp được L qua điện thoại của chị H, T rủ L đi trộm cắp thì L đồng ý. T nói với L “ Có con xe Exciter 150 nè lấy không ?”, L nói “ Ừ ừ, đợi tao xúu”. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, L nhờ chị H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn đỏ đen, biển số: 48D1-168.63, chở L đến gần hẻm C đường Z, phường A, rồi nói chị H đi về, còn L một mình đi bộ vào gặp T. Tại đây T chỉ cho L thấy chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu sơn trắng đỏ, biển số: 47B2 - 045.57, nói “Chiếc Exciter màu đỏ trắng kia, lấy đi” thì L nói “Để tao vô lấy”, sau đó T đi về nhà trước. Lúc này L quan sát xung quanh thấy không có người trông coi nên lén lút đi đến gần xe mô tô biển số: 47B2 – 045.57, dùng vạm phá khoá hình chữ L (đã chuẩn bị từ trước) phá ổ khoá điện xe mô tô Yamaha Exciter, màu sơn trắng đỏ, biển số: 47B2 - 045.57 của anh P, rồi điều khiển xe mô tô đi đến ngã ba giao nhau giữa đường H với đường E, thành phố B. L sử dụng một chiếc cờ lê (khóa 10, đã chuẩn bị trước) tháo biển số: 47B2 – 045.57, của xe mô tô trộm cắp, vứt bỏ cùng cờ lê, vạm phá khoá và chiếc mũ bảo hiểm loại nón Sơn trong cốp xe. Sau đó L điều khiển chiếc xe mô tô trộm cắp được về nhà cất giấu tại địa chỉ: Số E đường G, phường K, thành phố B. Ngày 26/7/2017 L đến tiệm sửa xe của anh Nguyễn Anh D (là chủ tiệm), địa chỉ: Số L, phường K, mượn đồ nghề sửa xe của anh D, tháo dàn vỏ nhựa của xe mô tô trộm cắp ra để lấy ổ khoá điện đem đi sửa. L gửi dàn vỏ nhựa của xe mô tô tại tiệm sửa xe của anh D, rồi dắt xe mô tô về nhà L tiếp tục cất giấu. Ngày 27/7/2017, L nhờ anh Huỳnh Thanh Q (là em trai chị Huỳnh Thị Mỹ H), điều khiển xe mô tô Honda Wave RSX, màu sơn đen, biển số: 48D1 - 168.63, chở L đi sửa ổ khoá xe mô tô trộm cắp thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, phát hiện, tạm giữ: 01 điện thoại di động hiệu Sam sung, 01 điện thoại hiệu Nokia 105 màu đen của chị

Huỳnh Thị Mỹ H, xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, màu đỏ đen, biển số: 48D1-168.63, 01 ổ khoá xe mô tô, 01 chìa khoá xe mô tô và xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu đỏ trắng. Anh Nguyễn Anh D đã tự nguyện giao nộp dàn vỏ nhựa xe mô tô hiệu Yamaha Exciter (01 mặt nạ xe màu đỏ trắng, 02 bửng nhựa trái phải, 01 tấm nhựa ốp giữa, 01 tấm nhựa chắn bùn màu đen và 01 tấm gác ba ga màu đen), cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số; 215/KLĐG ngày 29/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn đỏ trắng, không gắn biển số, số khung: RCCUG0610GY266641, số máy: G3D4E – 279746, trị giá: 39.000.000 đồng;

- 01 mũ bảo hiểm loại nón Sơn, màu đỏ trị giá: 150.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt trị giá: 39.150.000 đồng

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 300/2017/HS-ST ngày 28/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

-Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Đình L và Nguyễn Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

- Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo NGUYỄN ĐÌNH L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 28/7/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g, h, p, n khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo NGUYỄN ĐỨC T 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo của bị cáo, người bị hại.

Ngày 05/12/2017, bị cáo Nguyễn Đức T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Đức T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét mức hình phạt 09 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là

tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại Tòa án cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp 01 giấy chứng nhận cha bị cáo là ông Nguyễn Đức K là người có công với cách mạng, được hưởng chính sách như thương binh. Tuy đây là tình tiết giảm nhẹ mới nhưng tại cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm g, h, p, n cho bị cáo nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Đức T không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 bộ luật hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T - giữ nguyên bản án sơ thẩm số 300/2017/HS-ST ngày 28/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p, n khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt: Nguyễn Đức T 09 tháng tù.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức T trình bày luận cứ bào chữa và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc, vì xét về hành vi và vai trò phạm tội của bị cáo trong vụ án là thứ yếu, bị cáo chỉ vì nghe theo lời rủ rê, bàn bạc của bị cáo L mà dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật, sau đó không tham gia bất cứ việc gì đối với việc cất giấu, tiêu thụ tài sản trộm cắp. Về nhận thức, bị cáo bị mắc bệnh động kinh, ảnh hưởng rất lớn đối với khả năng nhận biết nên không thể nhận thức đầy đủ về sự nghiêm trọng đối với hành vi mà mình gây ra. Bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, bị cáo bị bệnh động kinh cần phải có người giám sát và cho uống thuốc hằng ngày, bố ruột của bị cáo là người có công với cách mạng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm g,h,p,n khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội và tạo điều kiện cho bị cáo được chữa bệnh.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo là bà Đỗ Thị C không tranh luận, bào chữa gì thêm. Chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Nguyễn Đức T tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu,

chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Vào khoảng 20 giờ ngày 24/7/2017 tại số nhà N đường Z, lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý xe mô tô của người dân Nguyễn Đình L, Nguyễn Đức T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu trắng đỏ biển kiểm soát 47B2-045.57 và 01 chiếc mũ bảo hiểm loại nón Sơn màu đỏ, tổng trị giá 39.150.000 đồng của anh Mai Tự P mang đi cất giấu để bán lấy tiền tiêu xài. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo, HĐXX xét thấy mức hình phạt 09 (chín) tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo Nguyễn Đức T là có phần nghiêm khắc. Mặc dù bị cáo là người báo cho bị cáo Nguyễn Đình L thực hiện hành vi phạm tội nhưng sau đó không tham gia, không cùng L tham gia nhiệm vụ nào trong việc L đã lấy trộm được chiếc xe mô tô của anh Mai Tự P. Bị cáo có nhân thân tốt, chấp hành tốt các chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo là người bị bệnh động kinh (có kết luận của cơ quan pháp y), bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi của mình. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm 01 giấy chứng nhận cha bị cáo ông Nguyễn Đức K là người có công với cách mạng, bị thương tích 21%, hạng 4/4, được hưởng chính sách như thương binh. Đây là tình tiết mới để HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại các điểm g, h, p, n khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú và gia đình của bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội. Do đó cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

[3] Về án phí: Do được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Nguyễn Đức T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

[1] Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T – Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 300/2017/HS-ST ngày 28/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p, n khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử Phạt: Bị cáo Nguyễn Đức T 09 (chín) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đức T cho UBND phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo thường trú để giám sát và giáo dục bị cáo; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Đức T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

[2] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Đức T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS tp. B;
- Những người TGTT;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Duy Tuấn

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 05 tháng 03 năm 2018;

Tại: Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Tuấn.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Triết và bà Nguyễn Thị Hằng.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 20/2018/HSPT ngày 08/01/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đức T; sinh năm 1995, tại tỉnh Đắk Lắk, đã bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự với mức hình phạt 09 (Chín tháng tù).

Căn cứ vào các Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật:

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 BLTTHS;

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

- Về nội dung:

[1] Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T – Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 300/2017/HS-ST ngày 28/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p, n khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử Phạt: Bị cáo Nguyễn Đức T 09 (chín) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đức T cho UBND phường A, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo thường trú để giám sát và giáo dục bị cáo; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Đức T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

[2] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Đức T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Biên bản đã thông qua tại phòng nghị án cho các thành viên Hội đồng xét xử nghe, đồng ý và cùng ký tên.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA

Nguyễn Đình Triết

Nguyễn Thị Hằng

Trần Duy Tuấn